Bài giảng 28.
Thảo luận thêm về các vấn đề kinh tế Việt Nam và lựa chọn chính sách

Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

Đỗ Thiên Anh Tuấn

2 bài thảo luận chính sách

- Cải cách cơ cấu vì mục tiêu tăng trưởng, công bằng và chủ quyền quốc gia
- Khơi thông những nút thắt thể chế để phục hồi tăng trưởng

Phần I-

Cải cách cơ cấu vì mục tiêu tăng trưởng, công bằng và chủ quyền quốc gia

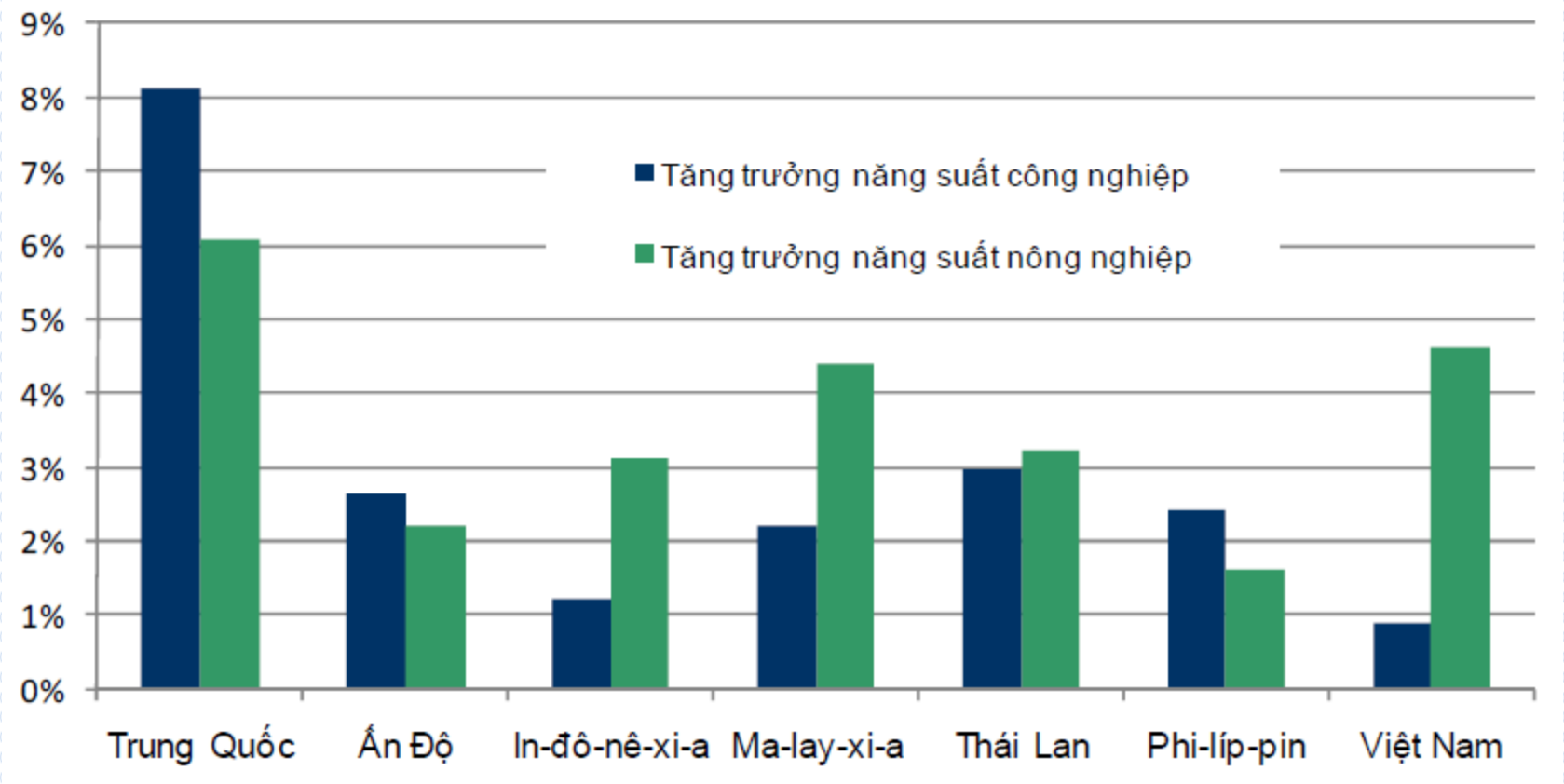
Yêu cầu cần phải có mô hình tăng trưởng mới

- Năng suất là nguồn gốc căn bản để tăng thu nhập, giảm nghèo và cải thiện năng lực cạnh tranh.
- Phát triển kinh tế là quá trình chuyển dịch các nhân tố sản xuất từ hoạt động có năng suất thấp sang hoạt động có năng suất cao.
- Nhu cầu chuyển dịch từ hoạt động có năng suất thấp sang năng suất cao hơn không có nghĩa là chính sách nhà nước phải nhắm đến việc điều chuyển vốn và lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp hay dịch vụ.
- Thị trường thường đưa ra các quyết định này tốt hơn các nhà lập kế hoạch.
  - **vốn** sẽ chảy vào nơi nào đem lại lợi nhuận cao nhất, và lợi nhuận sẽ là định hướng tốt hơn cho tăng trưởng năng suất.
  - **lao động** sẽ chảy đến nơi có tiền lương cao nhất, và tiền lương là một chỉ dẫn tốt hơn cho năng suất lao động.

Mô hình tăng trưởng của Việt Nam

- Mô hình tăng trưởng hiện nay của Việt Nam bao gồm:
  - Khu vực nông nghiệp định hướng xuất khẩu và có năng lực cạnh tranh cao,
  - Khu vực thâm dụng lao động có định hướng xuất khẩu trong đó doanh nghiệp nước ngoài đóng vai trò quan trọng, và
  - Khu vực thâm dụng vốn nội địa chủ yếu gồm các doanh nghiệp thuộc sở hữu hay có quan hệ mật thiết với nhà nước.

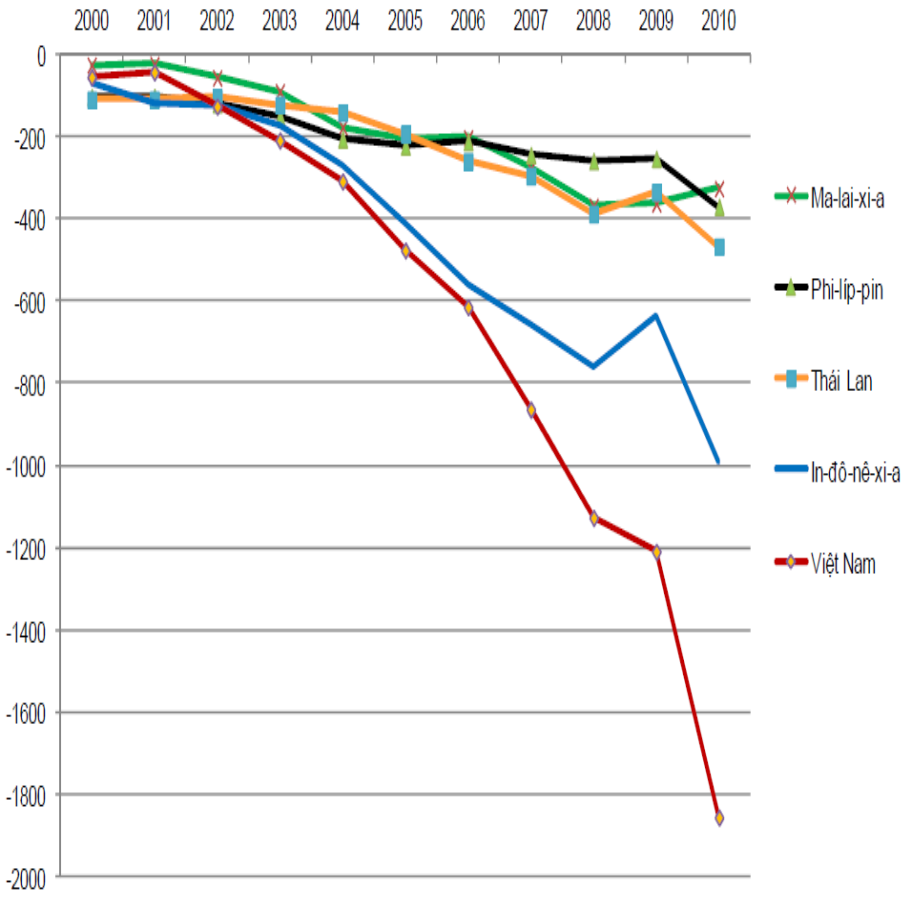
Tăng trưởng năng suất lao động bình quân, 2001-2009



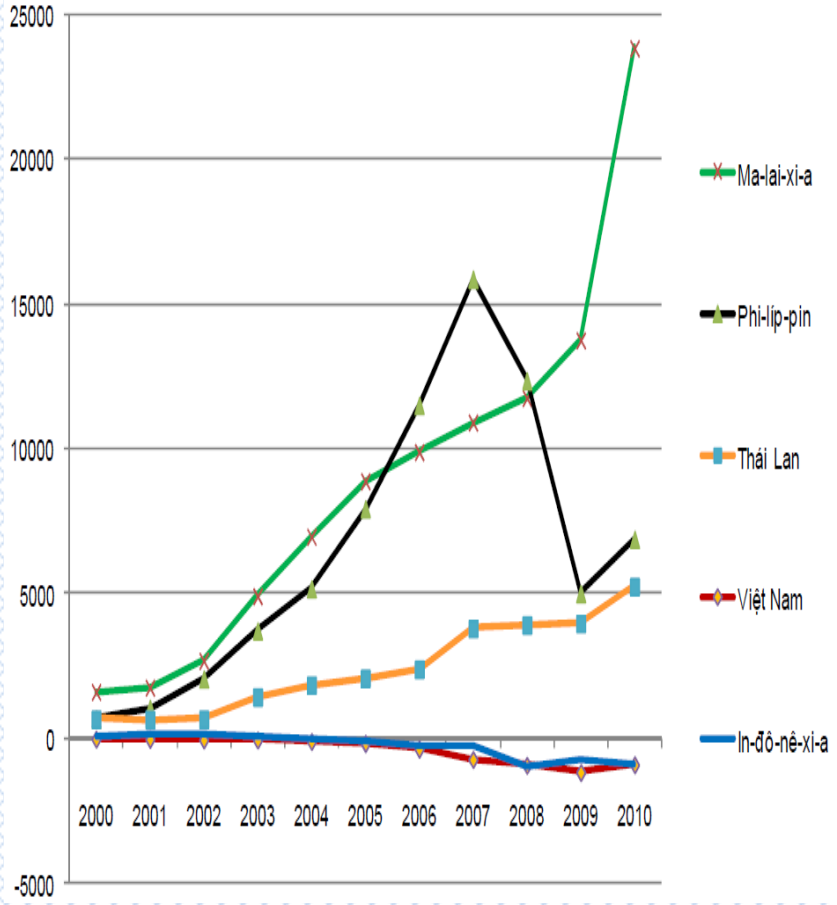
Nguồn: VELP 2012, WDI (WB)

Bức tranh tương phản của ngành công nghiệp Việt Nam so với các nước

Nhập khẩu ròng vải nguyên liệu từ Trung Quốc, triệu USD



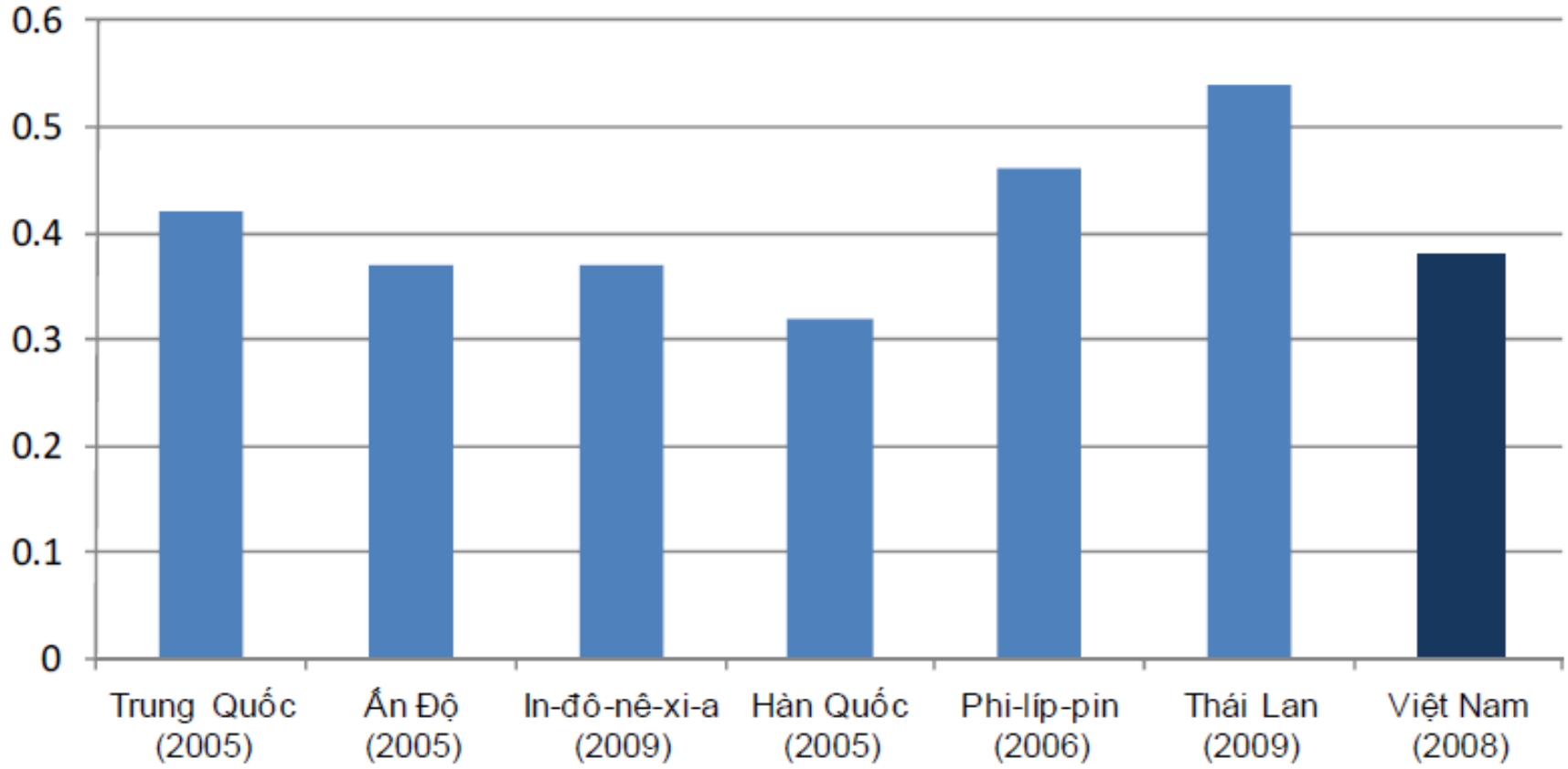
Xuất khẩu linh kiện điện tử vào Trung Quốc, triệu USD



Nguồn: VELP 2012, UN Contrade

Hậu quả của năng suất thấp

Hệ số GINI ở một số nước châu Á



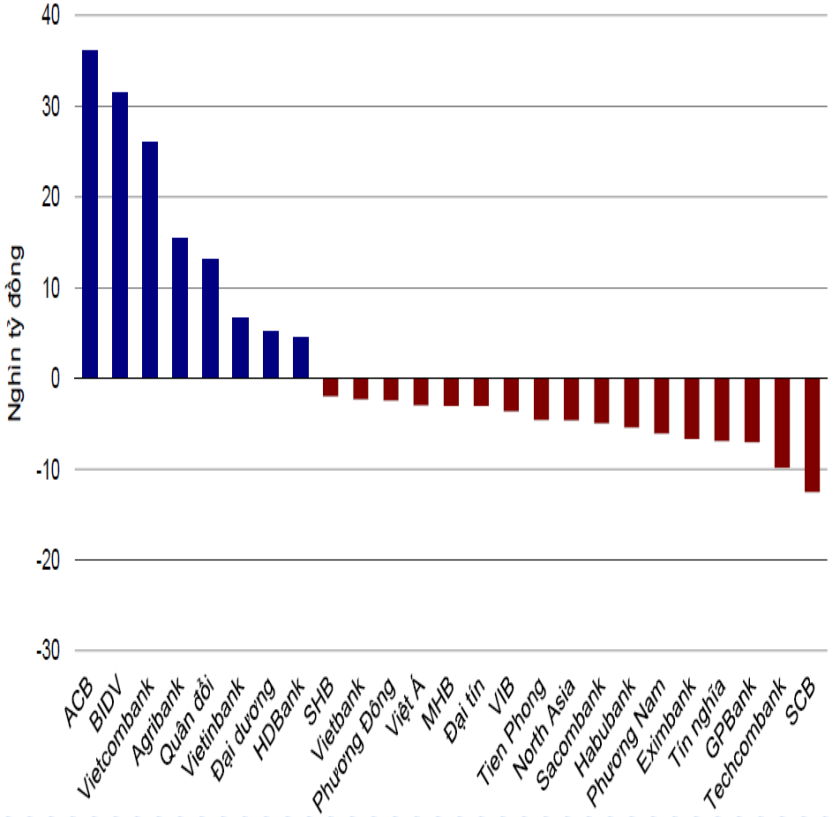
Nguồn: Chỉ báo Phát triển Thế giới (WDI) của NHTG.

Bảy chính sách cải cách quản trị kinh tế

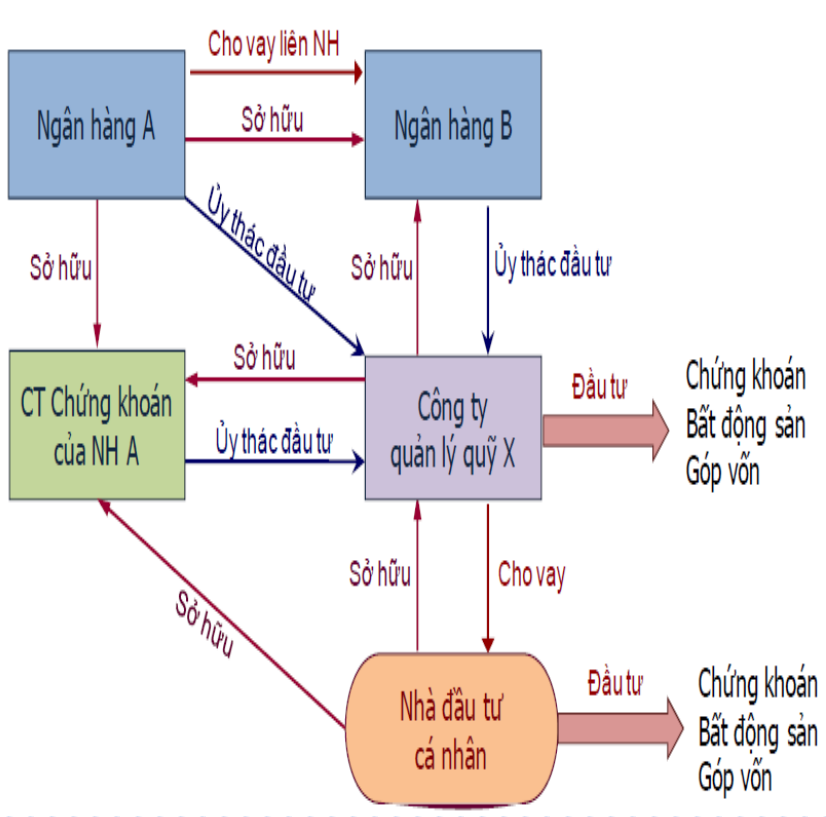
- Tái cấu trúc ngân hàng thông qua đổi mới cơ chế quản trị, loại bỏ cấu trúc sở hữu chéo giữa ngân hàng với doanh nghiệp và cho vay theo quan hệ
- Chấm dứt trợ cấp và thu hồi độc quyền của các doanh nghiệp nhà nước, đồng thời buộc các doanh nghiệp này phải hoạt động một cách minh bạch
- Loại bỏ mâu thuẫn lợi ích trong bộ máy điều tiết kinh tế
- Áp dụng một quy tắc tài khóa đơn giản và có hiệu lực
- Tái cơ cấu đầu tư công thông qua phối hợp thể chế, giám sát độc lập và cạnh tranh quốc tế trong đầu thầu
- Thiết kế lại hệ thống khuyến khích đối với chính quyền địa phương
- Cải cách chính sách nhân sự và hạn chế bổ nhiệm lãnh đạo địa phương tại quê quán của họ

1- Tái cấu trúc ngân hàng

Cho vay và đi vay ròng trên thị trường liên ngân hàng



Sở hữu chéo và đầu tư chéo giữa các định chế tài chính



Nguồn: FETP

2- Chấm dứt trợ cấp và thu hồi độc quyền DNNN

	DNNN		DN dân doanh		FDI	
	2001-05	2006-10	2001-05	2006-10	2001-05	2006-10
Sử dụng nguồn lực						
Vốn đầu tư	56,6	44,7	26,4	27,5	17,0	27,8
Tín dụng	36,6	30,9	-	-	-	-
Đóng góp cho nền kinh tế						
Ngân sách (ngoài dầu thô)	19,6	17,6	6,7	10,3	6,6	10,5
Việc làm	43,5	23,1	40,1	54,8	16,3	22,0
Việc làm mới	-4,1	-13,1	74,1	84,8	30,0	28,3
GDP	30,0	27,8	46,7	46,1	14,6	17,9
Tăng trưởng GDP	32,9	19,0	44,6	54,2	14,5	17,4
GTSXCN	28,9	25,5	28,3	34,3	42,7	40,1
Tăng trưởng GTSXCN	28,5	11,6	34,0	42,9	37,4	45,5

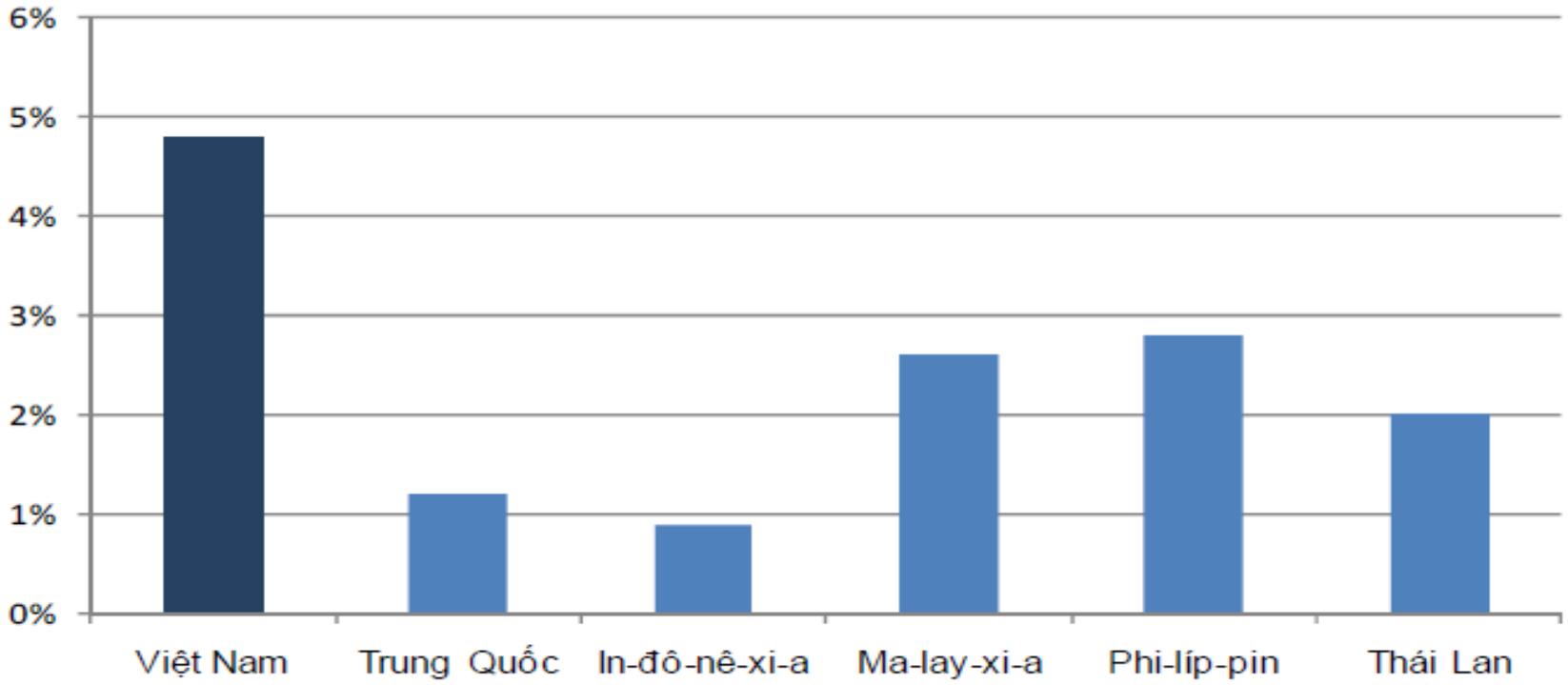
Nguồn: VELP 2012

3- Loại bỏ mâu thuẫn lợi ích trong bộ máy điều tiết kinh tế

Bộ	Chức năng	Đề xuất
Kế hoạch và Đầu tư	Chịu trách nhiệm xác định ưu tiên đầu tư và phân bổ ngân sách đầu tư.	Thành lập viện nghiên cứu và quy hoạch độc lập để đánh giá các dự án đầu tư.
Y tế	Chịu trách nhiệm quản lý ngành dược nhưng cũng là cơ quan chủ quản của nhiều công ty dược và quản lý nhập khẩu dược phẩm và thiết bị y tế quan trọng.	Thành lập một cơ quan điều tiết dược phẩm hoàn toàn độc lập với bộ.
Giao thông - Vận tải	Chịu trách nhiệm phát triển hạ tầng giao thông nhưng cũng là cơ quan chủ quản của các công ty xây dựng giao thông Chịu trách nhiệm quản lý ngành hàng không dân dụng nhưng cũng điều hành hãng hàng không nội địa lớn nhất	Cổ phần hóa hoặc chuyển các công ty giao thông về Bộ Tài chính. Thành lập cơ quan hàng không dân dụng độc lập, niêm yết một phần Vietnam Airlines ở thị trường chứng khoán nước ngoài.
Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	Chịu trách nhiệm nâng cao đời sống của nông dân nhưng cũng là người tham gia quan trọng trong thị trường gạo, thuốc trừ sâu và phân bón	Cắt đứt mối liên hệ giữa bộ và doanh nghiệp trực thuộc, trong đó có Vinafood.
Công thương	Chịu trách nhiệm tạo sân chơi công bằng cho doanh nghiệp công nghiệp, thương mại nhưng cũng quản lý các công ty có vị trí độc quyền như điện lực và xăng dầu	Loại bỏ vị trí độc quyền của EVN và Petrolimex
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Chịu trách nhiệm cấp phép rồi điều tiết các tổ chức tín dụng và đại diện chủ sở hữu các ngân hàng sở hữu nhà nước.	Thành lập cơ quan độc lập chịu trách nhiệm cấp phép thành lập ngân hàng

4- Áp dụng một quy tắc tài khóa đơn giản và có hiệu lực

Thâm hụt ngân sách so với GDP tính bình quân 2007-2011

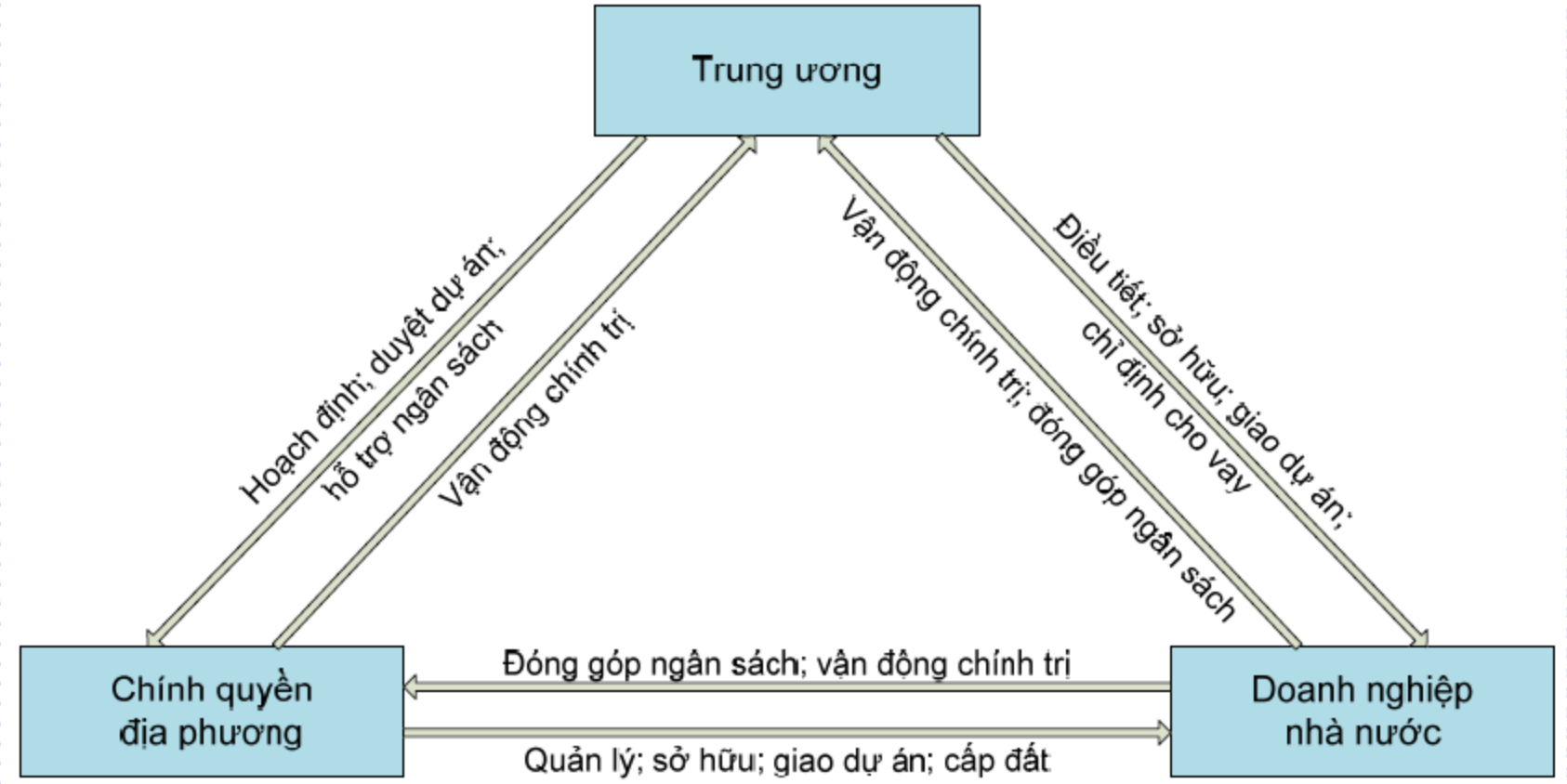


Nguồn: Thống kê Tài chính Quốc tế (IFS) của IMF.

5- Tái cơ cấu đầu tư công:

Củng cố các thể chế để khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải và không đồng bộ

Tam giác mối quan hệ trong việc xin dự án đầu tư công



Nguồn: FETP

5- Tái cơ cấu đầu tư công:

Quản lý và kiểm soát chi phí đầu tư

Chi phí đầu tư đường cao tốc

Dự án/địa điểm	Khoảng cách (km)	Tổng chi phí (triệu USD)	Năm xây dựng	Suất đầu tư (triệu US$/km 4 làn xe)
Đường cao tốc của Việt Nam				
Pháp Vân – Cầu Giẽ(*)	32,3	53	1998-2002	1,86
Cầu Giẽ - Ninh Bình	56,0	548	2006-2012	9,78
TP.HCM - Trung Lương	61,9	613	2004-2010	9,90
Đà Nẵng – Quảng Ngãi	131,5	1.404	2012-2016	10,67
TP.HCM - Long Thành – Dầu Giây	51,0	932	2009-2013	18,28
Trung Lương – Mỹ Thuận	54,0	1.000	2009-	18,52
Bến Lức - Long Thành	57,1	1.608	2012-2015	28,16
So sánh quốc tế				
Trung Quốc				
Jiangxi	134,0	320	1996-2004	2,39
Liaoning	109,0	288	1996-1998	2,64
Shenyang-Jinzhou (6 làn xe)	192,0	729	1996-2001	2,53
Shanxi	176,0	618	1999-2006	3,51
Chengdu-Nanchong	208,0	772	1998-2004	3,71
Changchun-Harbin	101,9	404	1998-2003	3,96
Chongqing (4 & 6 làn xe)	89,0	461	1996-2004	4,37
Hoa Kỳ (bình quân 25 bang)			2002 (**)	5,80

(*) Đường Pháp Vân Cầu Giẽ chưa đạt chuẩn đường cao tốc.

(**) Chỉ số giá USD ở Hoa Kỳ tăng 1,21 lần từ 2003 đến 2010. Vậy quy về giá 2010, thì chi phí đầu tư đường cao tốc bình quân ở Hoa Kỳ được điều chỉnh thành 7,0 triệu USD/km. (Cần lưu ý rằng đây là chỉ số giá chung; chỉ số giá xây dựng thường cao hơn chỉ số giá chung).

Nguồn: Báo cáo hoàn thành dự án và thẩm định cho các dự án của Việt Nam và Trung Quốc, và Sở Giao thông bang Washington cho các dự án Hoa Kỳ.

6- Thiết kế lại hệ thống khuyến khích đối với chính quyền địa phương

- Chính quyền trung ương và địa phương mỗi cấp chiếm 50% trong tổng đầu tư từ ngân sách nhà nước
- Cấu trúc khuyến khích tài chính công không hợp lý:
  - GDP là tiêu chí quan trọng nhất, nếu như không muốn nói là tiên quyết để đo lường hoạt động kinh tế
  - Tất cả các tỉnh đều phải chịu áp lực đạt được mục tiêu quốc gia về công nghiệp hóa
  - Tình trạng đầu tư kém hiệu quả ở Việt Nam còn là hệ quả của chính sách phân cấp quá mức.

7- Cải cách chính sách nhân sự và hạn chế bổ nhiệm lãnh đạo địa phương tại quê quán của họ

- Đa dạng hóa cấp lãnh đạo địa phương
- Xây dựng lại cơ chế khuyến khích và tiêu chí đánh giá cán bộ

Phần II-

Khơi thông những nút thắt thể chế để phục hồi tăng trưởng

4 động cơ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

- Khu vực doanh nghiệp nhà nước
- Khu vực tư nhân trong nước,
- Khu vực nông nghiệp, và
- Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài.

-1-
Khu vực kinh tế Nhà nước

- Với vai trò chủ đạo, DNNN đương nhiên không cần phải cạnh tranh mà vẫn luôn là "người thắng cuộc".
- Các DNNN lớn nghiễm nhiên được hưởng vị thế độc quyền trong các lĩnh vực then chốt và vị thế thống lĩnh thị trường trong bất kỳ thị trường nào mà chúng tham gia.
- Các DNNN lớn còn chi phối quyền và cơ hội kinh doanh thông qua một số cơ chế và thể chế có liên quan, đặc biệt là thông qua quy hoạch và chiến lược phát triển ngành.
- Nhà nước không chỉ ưu ái dành cho DNNN nhiều nguồn lực mà còn tạo nên một vị thế cạnh tranh không công bằng, một khuôn khổ pháp lý và chính sách thiên lệch đối với khu vực tư nhân.
- Chính những biệt đãi về vai trò, vị thế, và nguồn lực kể trên đã nuôi dưỡng sự thụ động, phụ thuộc, và ỷ lại của các DNNN.
- Khi các DNNN trì trệ, yếu kém nhưng vẫn được đóng vai trò chủ đạo thì Nhà nước lại càng phải bơm thêm nguồn lực – hiện tượng mà thuật ngữ kinh tế gọi là "giới hạn ngân sách mềm".

-1-
Khu vực kinh tế Nhà nước

Chỉ tiêu so sánh	Khu vực Nhà nước			KV ngoài Nhà nước			Khu vực FDI		
	2000	2005	2012	2000	2005	2012	2000	2005	2012
Vốn đầu tư	59,1	47,1	37,8	22,9	38,0	38,9	18,0	14,9	23,3
GDP	38,5	38,4	32,6	48,2	45,6	49,3	13,3	16,0	18,1
Ngân sách (ngoài dầu thô)	65,1	52,0	43,5	15,7	25,4	27,0	19,2	22,6	29,6
Việc làm	59,1	32,7	14,7	29,4	47,8	61,8	11,5	19,6	23,6
Giá trị sản xuất công nghiệp	34,2	25,1	18,4	24,6	31,2	38,4	41,3	43,7	43,3

Ghi chú: Số liệu của năm 2012 là ước tính. Số liệu việc làm là của các năm 2000, 2005, và 2011.

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê, Bộ Tài chính, và Quỹ Tiền tệ Quốc tế.

Thông tin thu được từ trang web của các tập đoàn và tổng công ty

Tổng công ty	Tổng quan về công ty	Chiến lược/tin tức	Kết quả kinh doanh	Báo cáo thường niên/ tài chính/ kiểm toán	Các quyết định quan trọng/nghị quyết ĐHTV
TCT Nhà và phát triển đô thị	✓	x	x	x	x
TCT Sông Đà	✓	✓	x	x	✓
TCT Lương thực miền Bắc	✓	✓	x	x	x
TCT Lương thực miền Nam	✓	x	x	x	x
TCT Giấy Việt Nam	✓	x	x	x	x
TCT Cà-phê Việt Nam	✓	x	x	x	x
TCT Hàng không Việt Nam	✓	x	x	x	x
TCT Thuốc lá Việt Nam	✓	x	x	x	x
TCT Vận tải biển	✓	✓	x	x	✓
TCT Đường sắt Việt Nam	✓	✓	x	x	✓
TCT Thép Việt Nam	✓	✓	✓	✓	✓
TCT Xi măng Việt Nam	✓	✓	x	x	x

Tập đoàn Nhà nước	Tổng quan về công ty	Chiến lược/tin tức	Kết quả kinh doanh	Báo cáo thường niên/ tài chính/ kiểm toán	Các quyết định quan trọng/nghị quyết ĐHTV
TĐ Bưu chính – Viễn thông VN	✓	✓	x	x	x
TĐ Than – Khoáng sản VN	✓	✓	x	x	x
TĐ Dầu khí Quốc gia VN	✓	✓	x	✓	x
TĐ Điện lực VN	✓	✓	x	x	x
TĐ Dệt May VN	✓	✓	x	x	x
TĐ Cao su VN	✓	✓	x	✓	x
TĐ Tài chính – Bảo hiểm Bảo Việt	✓	✓	✓	✓	✓
TĐ Viễn thông Quân đội	✓	✓	x	✓	x
TĐ Hóa chất VN	✓	✓	x	x	x
TĐ Công nghiệp Tàu thủy VN	✓	✓	x	x	x
TĐ Xăng Dầu VN	✓	✓	x	✓	✓

Nguồn: Ngân hàng Thế giới (2013). "Hiệu quả doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam: làm thế nào để việc công bố thông tin giúp đạt được mục tiêu này?" (State Owned Enterprise Efficiency in Vietnam: How can information disclosure help get there?).

-1-
Khu vực kinh tế Nhà nước

- Yếu kém của DNNN bắt nguồn từ quyền sở hữu không rõ ràng:
  - Tài sản trong các DNNN vẫn thuộc sở hữu toàn dân và do nhà nước đại diện
  - Quyền đại diện sở hữu của nhà nước được thực hiện bởi HĐTV hoặc Chủ tịch công ty
  - Trên thực tế, quyền này không được thực thi một cách thống nhất mà có tính chia cắt, thậm chí cát cứ.
  - Cơ chế đại diện sở hữu nhiều tầng này cộng với tính hình thức của tất cả các tầng đại diện tạo ra một khoảng cách diệu vợi giữa những người chủ sở hữu cuối cùng (90 triệu dân Việt Nam) với những người đại diện của mình (cơ quan nhà nước và thể chế đại diện của nó)
- Quyền đại diện sở hữu, thẩm quyền quản lý nhà nước, và chức năng quản lý – điều hành kinh doanh vẫn bị trộn lẫn vào nhau – hiện tượng thường được gọi là "ba trong một" trong hệ thống quản lý DNNN.

-2-

Khu vực doanh nghiệp tư nhân

- Trở nên rất năng động từ khi đổi mới đến nay, nhất là sau thập niên 2000.
- Khu vực này đã đóng vai trò đáng kể vào tăng trưởng và giải quyết việc làm.
- Trong thời gian gần đây khu vực này đang đứng trước nguy cơ teo tóp, số lượng doanh nghiệp ngừng hoạt động tăng đến mức báo động.

  – *Gần đây bắt đầu có sự phân hóa rõ rệt thành những doanh nghiệp thân hữu, có mối quan hệ khăng khít với các định chế ngân hàng và giới chức chính quyền và những doanh nghiệp quy mô nhỏ ít có cơ hội tiệm cận các nguồn lực kinh tế.*

Thách thức của khu vực DN tư nhân trong nước

- Quyền sở hữu tuy được ghi nhận, song được bảo vệ không hữu hiệu
- Bất bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực
  - bất bình đẳng giữa các DNNN và doanh nghiệp tư nhân, và
  - bất bình đẳng giữa doanh nghiệp thân hữu và các doanh nghiệp khác
- Những nhiễu của bộ máy quản lý nhà nước
- Thiếu vắng các thể chế hỗ trợ thị trường có hiệu quả

-3-
Khu vực nông nghiệp

Giai đoạn	Lao động	Máy kéo	Máy bơm	Phân bón	Diện tích đất	TFP
1996-2000	8,9	7,0	11,4	10,9	31,4	30,3
2001-2005	8,5	5,1	6,5	5,3	15,1	59,5

Nguồn: Tính toán của Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển Nông nghiệp Nông thôn (IPSARD) dựa trên số liệu của Tổng cục Thống kê Việt Nam.

Thách thức của khu vực nông nghiệp

- Tiềm năng cho tăng trưởng năng suất ngày càng bị giới hạn
  - Các yếu tố thúc đẩy tăng năng suất nông nghiệp trong giai đoạn trước đây không còn nhiều
  - Nguồn tăng trưởng mới đến từ việc đa dạng hóa sở hữu đất đai để tạo động lực mới cho sản xuất nông nghiệp lại thiếu vắng
- Kinh tế nông nghiệp không còn tiếp tục vận hành như tấm lưới an toàn, tiếp nhận lao động quay về khi mất việc trong các khu vực kinh tế khác.
  - Trong bối cảnh bất ổn vĩ mô thời gian qua, làn sóng người lao động không tìm được việc làm ở đô thị và khu công nghiệp không dội ngược lại nông thôn như trước
  - Về mặt dài hạn, lao động quay về nông thôn cũng không có đất để sản xuất nông nghiệp trước xu hướng thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng, và giảm diện tích canh tác.
- Tài nguyên nông nghiệp đã và đang dần cạn kiệt do bị ô nhiễm và khai thác quá mức.

Nút thắt thể chế trong nông nghiệp

- *Việc không giải quyết được những thách thức nêu trên đối với sản xuất nông nghiệp là do sự tiếp tục tồn tại của những yếu kém về chính sách và thể chế, trong đó quan trọng nhất là:*
  - *quyền sở hữu đất đai nông nghiệp không rõ ràng,*
  - *các chương trình hỗ trợ nông nghiệp sai địa chỉ,*
  - *và công nghiệp hóa tràn lan, không lựa chọn tại các tỉnh nông nghiệp.*

-4-

Khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài

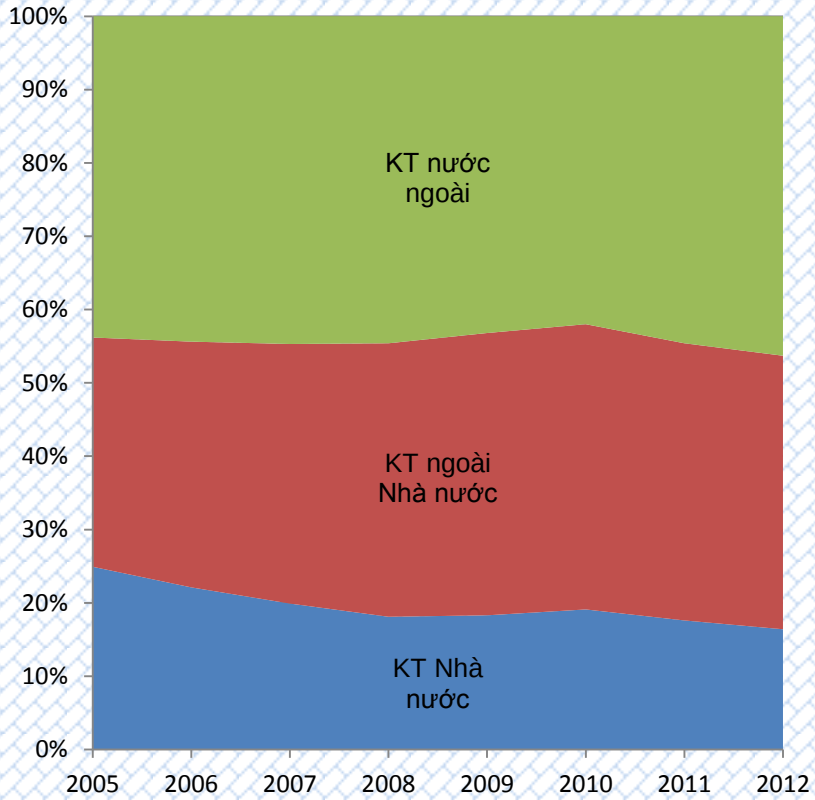
Cải cách theo hướng thị trường và hội nhập quốc tế đã đem lại cho nền kinh tế Việt Nam hai khu vực có tốc độ tăng trưởng cao

- Tăng trưởng của KV FDI đạt đỉnh cao ở mức 14% trong năm 2006, trong khi tăng trưởng khu vực tư nhân đạt mức cao nhất vào năm 2008 với tốc độ 9%

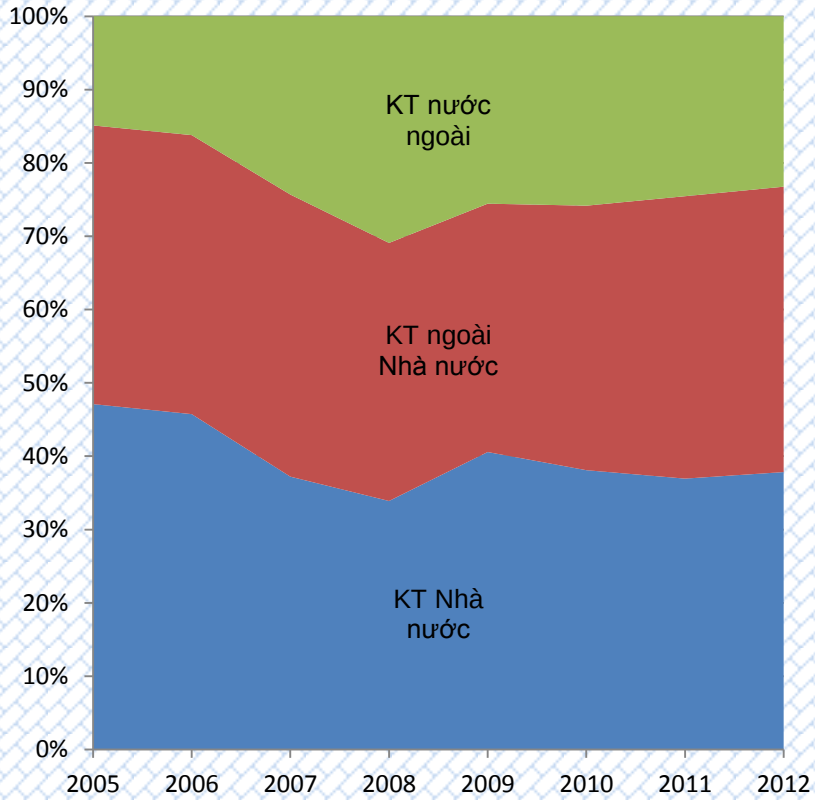


So sánh vốn đầu tư và GTSXCN của các thành phần kinh tế

Giá trị SXCN



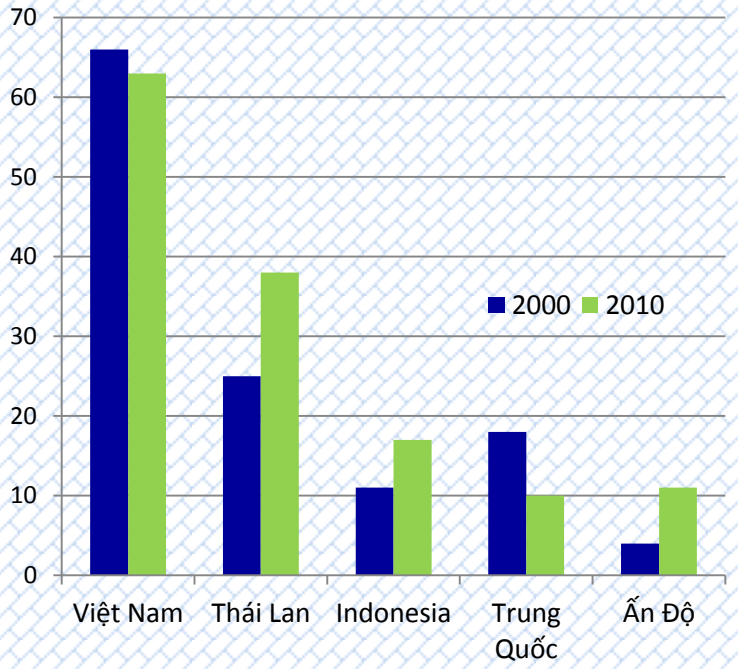
Vốn đầu tư



Khu vực DN trong nước và nước ngoài: Bắt đầu phân cực?

- Các DN trong nước đang đứng trước những khó khăn lớn nhất kể từ khi có Luật Doanh nghiệp
  - DN tư nhân lớn đang chịu gánh nặng nợ cao
  - SMEs không tiếp cận được tín dụng và nhiều nguồn lực khác
- Khu vực FDI vẫn phát triển nhanh, dòng vốn vẫn tiếp tục đổ vào

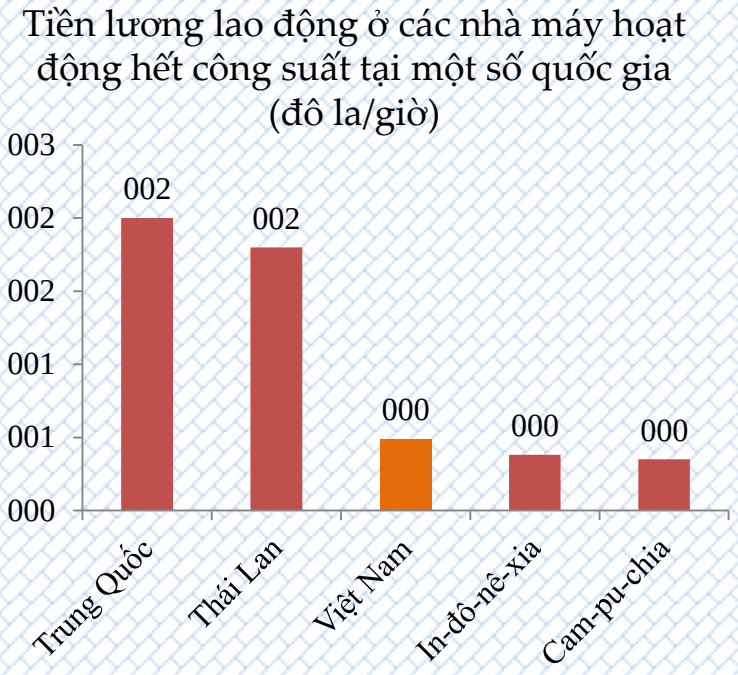
Tỷ lệ vốn FDI tích lũy so với GDP của Việt Nam và một số nước châu Á



Từ bối cảnh khu vực đối với dòng vốn FDI…

- Trong bối cảnh Đông Bắc và Đông Nam Á: Việt Nam vẫn là điểm đến hấp dẫn đối với FDI

- Lao động bắt đầu chuyển dịch khỏi Trung Quốc khi tiền lương nước này đang tăng lên
- Các DN ở Trung Quốc đang đa dạng hóa quy trình SX bằng cách di chuyển sang các nước có lao động rẻ hơn
- Chiến lược "Trung Quốc một cộng" dẫn đến việc thiết lập các ngành công nghiệp chế biến – chế tạo trên khắp Đông Nam Á



… đến tiềm năng thu hút FDI của Việt Nam?

- Theo Báo cáo Năng lực Cạnh tranh SXCN Toàn cầu của Deloitte (2013), Việt Nam sẽ trở thành nền kinh tế cạnh tranh đứng thứ 10 trên thế giới về SXCN trong vòng 5 năm tới.

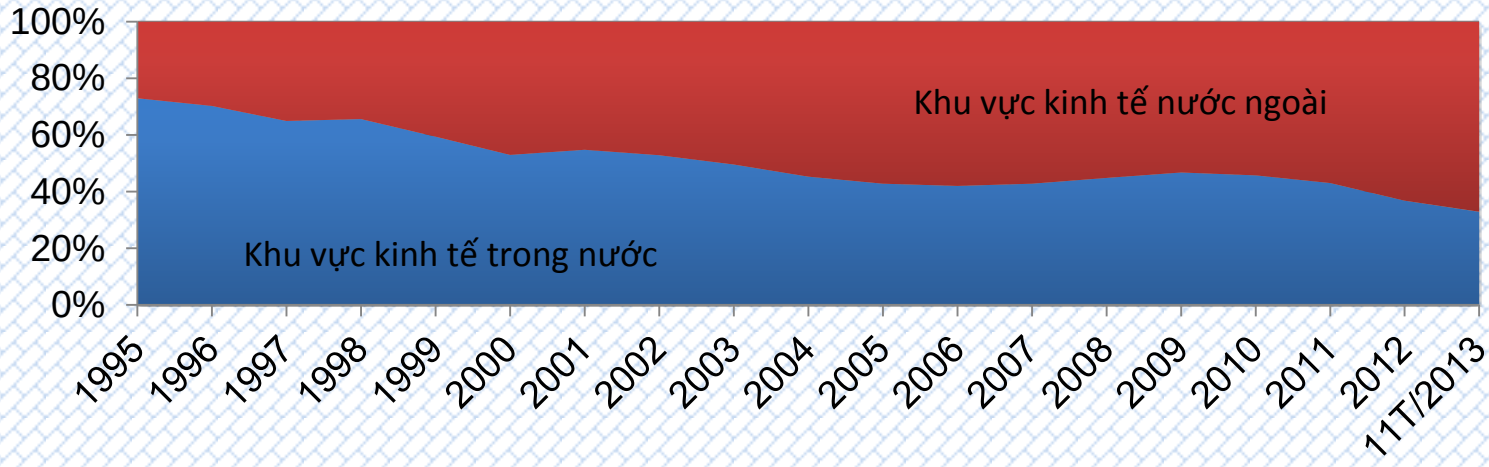
Năng lực cạnh tranh SXCN theo xếp hạng của Deloitte

Hiện tại		5 năm tới	
Xếp hạng	Quốc gia	Xếp hạng	Quốc gia
1	Trung Quốc	1	Trung Quốc
5	Hàn Quốc	6	Hàn Quốc
6	Đài Loan	7	Đài Loan
9	Singapore	9	Singapore
11	Thái Lan	**10**	**Việt Nam**
13	Malaysia	11	Indonesia
17	Indonesia	14	Malaysia
18	Việt Nam	15	Thái Lan

Nguồn: Deloitte (2013)

Đóng góp của FDI: Xuất khẩu

Tỷ trọng XK của KV nước ngoài liên tục tăng lên



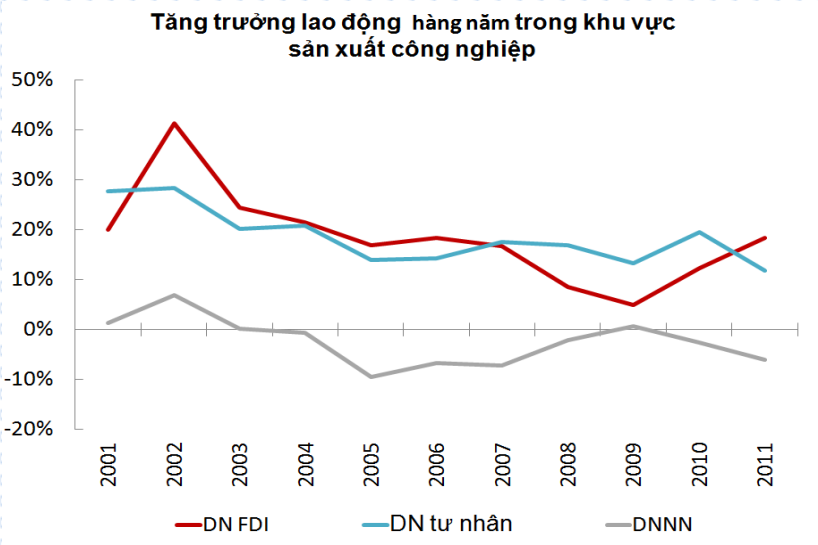
Tăng trưởng XK vẫn rất mạnh trong 2 năm qua

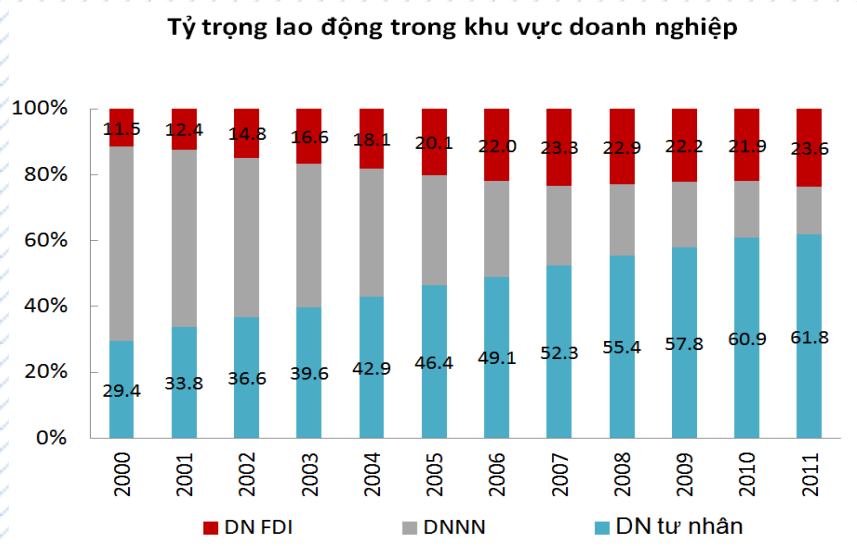
	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Kinh tế trong nước	FDI kể cả dầu thô	FDI không kể dầu thô
2012	18,3%	1,3%	31,2%	33,5%
11 tháng 2013 so cùng kỳ 2012	16,2%	3,6%	23,5%	28,5%

Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Kết quả tạo việc làm giữa DN nội địa với nước ngoài

- **Trước khi có Luật DN 2005**: việc làm trong khối FDI tăng với tốc độ nhanh hơn so với DN nội địa
- **Sau Luật DN có hiệu lực**: DN nội địa đã đẩy mạnh tuyển dụng lao động với tốc độ nhanh hơn DN nước ngoài (đặc biệt giai đoạn 2007 – 2008)
- **Sau khi kinh tế rơi vào bất ổn**: khu vực FDI lại có tốc độ tăng trưởng việc làm nhanh hơn, trong khi các DN nội địa có sự chững lại





Nguồn: Tổng cục Thống kê

Vấn đề trung tâm: 'nút thắt' thể chế

- **Câu hỏi**:
  - Vì sao khi cùng đối diện trước một nền kinh tế toàn cầu vẫn còn khó khăn và nền kinh tế nội địa suy giảm và bất ổn thì DN FDI vẫn tăng trưởng tốt trong khi DN Việt Nam lại gặp khó khăn?
- **Câu trả lời là**:
  - Nói chung, các DN FDI đã 'bỏ qua' được phần lớn những thể chế của Việt Nam vốn bị coi là đang cản trở hoạt động KD của DN trong nước

Kết quả này cho thấy điều gì?

- Các DN FDI ở Việt Nam không phát triển thành những mắt xích chắc chắn trong chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Các DN FDI không có động lực phát triển những mối liên kết với các nhà sản xuất trong nước.
- Viễn cảnh sản xuất chế biến lắp ráp mà đầu vào lệ thuộc nặng nề vào nguồn nhập khẩu như hiện nay sẽ còn tiếp diễn

Khu vực ngân hàng thương mại

- Sở hữu chéo làm vô hiệu hóa các quy định về đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng
- Những bất cập trong các giải pháp tái cơ cấu khu vực ngân hàng thương mại
  - Giải pháp dựa vào thị trường để tái cấu trúc các ngân hàng yếu k m làm tăng tính nghiêm trọng và phức tạp của tình trạng sở hữu chéo
  - VAMC không có động cơ xử lý nợ nhanh chóng và minh bạch làm cho các ngân hàng có động cơ dấu nợ và tiếp tục các hoạt động kinh doanh rủi ro hơn

3 lựa chọn tái cấu trúc nền kinh tế: Lựa chọn thứ nhất

- Không tiến hành thay đổi đáng kể gì về các chính sách kinh tế quan trọng liên quan đến khu vực ngân hàng, doanh nghiệp nhà nước, khu vực tư nhân và nông nghiệp.
- Trong khả năng cho phép, Chính phủ sẽ có các gói chính sách tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và kích cầu.
  - Chính sách tiền tệ: gói tín dụng đặc thù với mục tiêu là thiết lập lại kênh tiếp cận tín dụng cho từng nhóm doanh nghiệp cụ thể
  - Chính sách tài khóa: giảm gánh nặng thuế gồm cả thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN), thuế giá trị gia tăng (GTGT), tiền thuê đất là lựa chọn để vừa cứu doanh nghiệp, vừa kích cầu.
  - Chính sách đầu tư: dùng các biện pháp hành chính để đẩy nhanh tiến độ giải ngân các dự án cơ sở hạ tầng kỹ thuật và xã hội sử dụng vốn ngân sách, vốn trái phiếu chính phủ và vốn ODA.

- *Chọn lựa thứ nhất đơn thuần là duy trì hiện trạng với kết quả tốt nhất là giữ được mức tăng trưởng hiện nay, nhưng thật sự có khả năng tình hình sẽ dần trở nên xấu hơn*

3 lựa chọn tái cấu trúc nền kinh tế: Lựa chọn thứ hai

- Đặt trọng tâm của nỗ lực tái cơ cấu kinh tế vào khu vực ngân hàng.
  - Dựa trên nhận định rằng tỷ lệ nợ xấu cao và những yếu kém khác trong hệ thống ngân hàng là nguyên nhân chính làm cho khu vực DN cũng như kinh tế nông nghiệp tăng trưởng chậm.
  - Cách tiếp cận là xử lý một cách *từ từ, từng bước* và không dùng tiền thực của nhà nước
  - Nhà nước can thiệp bằng cách tăng nợ công thay thế cho giảm nợ tư
  - Một cách tiếp cận là Chính phủ sử dụng tiền dự trữ trong hệ thống ngân hàng và/hay dự trữ ngoại tệ để cho vay tái cấp vốn dài hạn hoặc cho vay đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng.
- *Trong trung hạn, chọn lựa này có thể dẫn đến tốc độ tăng trưởng duy trì ở mức 5-6% một năm. Tuy nhiên, trong dài hạn, các cải cách riêng lẻ chắc chắn sẽ không đủ để ngăn cản những vấn đề hiện nay tái diễn.*

3 lựa chọn tái cấu trúc nền kinh tế: Lựa chọn thứ ba

- Liên quan đến nỗ lực cải cách xuyên suốt về mặt thể chế và cơ cấu đối với các vấn đề đang kìm hãm nền kinh tế Việt Nam
  - *Trước tiên là xác định lại một cách căn bản về vai trò của Nhà nước*
  - *Trên cơ sở xác định lại vai trò của nhà nước, cần xác định lại vai trò của khu vực doanh nghiệp nhà nước*
  - *Buộc các DNNN phải cạnh tranh bình đẳng với các thành phần kinh tế khác*
  - *Buộc các DNNN đối diện với giá thị trường, nhất là đối với các loại giá cơ bản như lãi suất, tỷ giá, đất đai, và năng lượng*
  - *Hợp lý hóa cách thức sử dụng trợ cấp và bảo hộ thương mại phải được coi là một trọng tâm của chương trình tái cấu trúc DNNN*
  - *Hạn chế tới mức tối đa việc yêu cầu các DNNN phải gánh thêm các nhiệm vụ an sinh, chính trị và xã hội*
  - *Cải cách hệ thống quản trị đối với các DNNN*
  - *Đánh giá một cách khách quan, toàn diện chương trình thí điểm mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước*
  - *Tiếp tục chương trình cổ phần hóa*

Chọn lựa lựa chọn?

- Xác lập ưu tiên cải cách thể chế
  - *Về thể chế kinh tế*
  - *Về thể chế chính trị và quản trị nhà nước*
  - *Về thể chế xác lập trách nhiệm chính trị với cử tri và nhân dân*